

IV/ CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

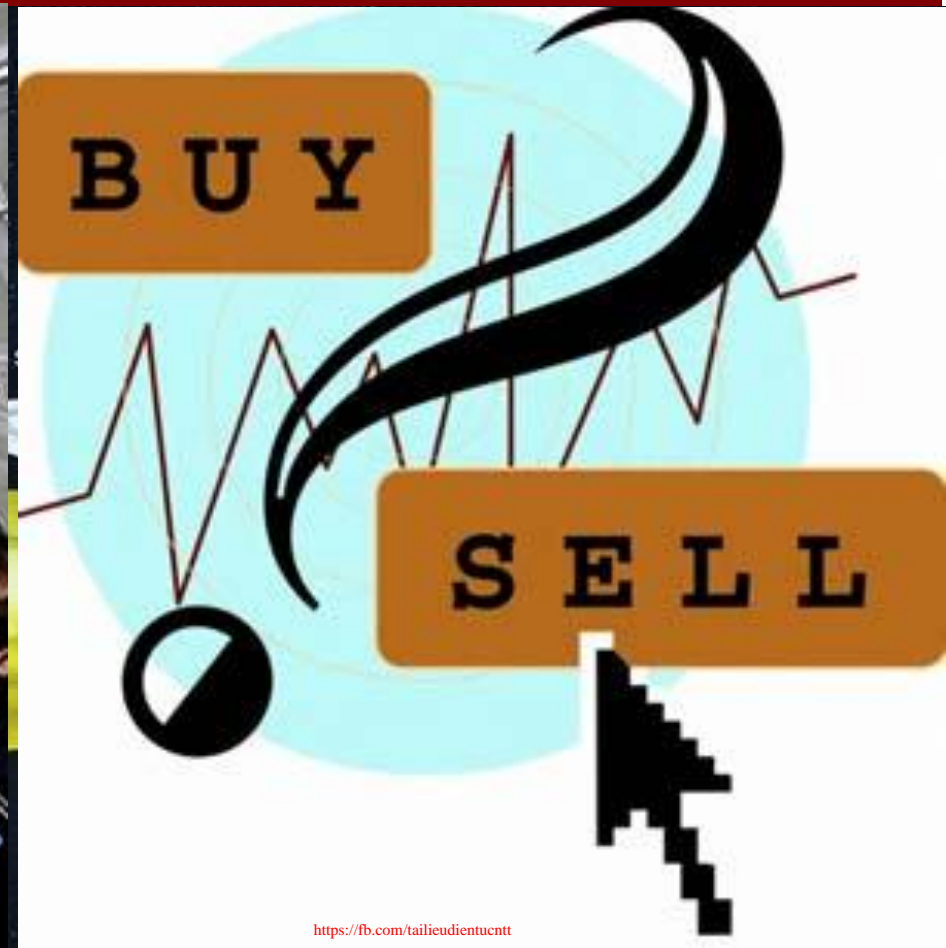
1/ QUY LUẬT LÀ GÌ.

Quy luật là mối liên hệ khách quan, bản chất, tất nhiên, phổ biến và lặp lại giữa các mặt, các yếu tố, các thuộc tính bên trong mỗi một sự vật, hay giữa các sự vật, hiện tượng với nhau.



Tính chất của quy luật

- + Tính khách quan
- + Tính phổ biến
- + Tính ổn định tương đối



Phân loại quy luật.

Dựa vào
tính phổ biến

Quy
Luật
RIÊNG

Quy
Luật
CHUNG

Quy
Luật
CHUNG
NHẤT

Dựa vào
lĩnh vực hoạt động

Quy
Luật
TỰ
NHIÊN

Quy
Luật
XÃ
HỘI

Quy
Luật
TỰ
DUY

**PBC DV NGHIÊN CỨU
NHỮNG Q.LUẬT CHUNG NHẤT CỦA TN, XH & TỰ DUY.**

**NHỮNG
QUY LUẬT
CƠ BẢN
CỦA
PHÉP
BIỆN CHỨNG
DUY VẬT**

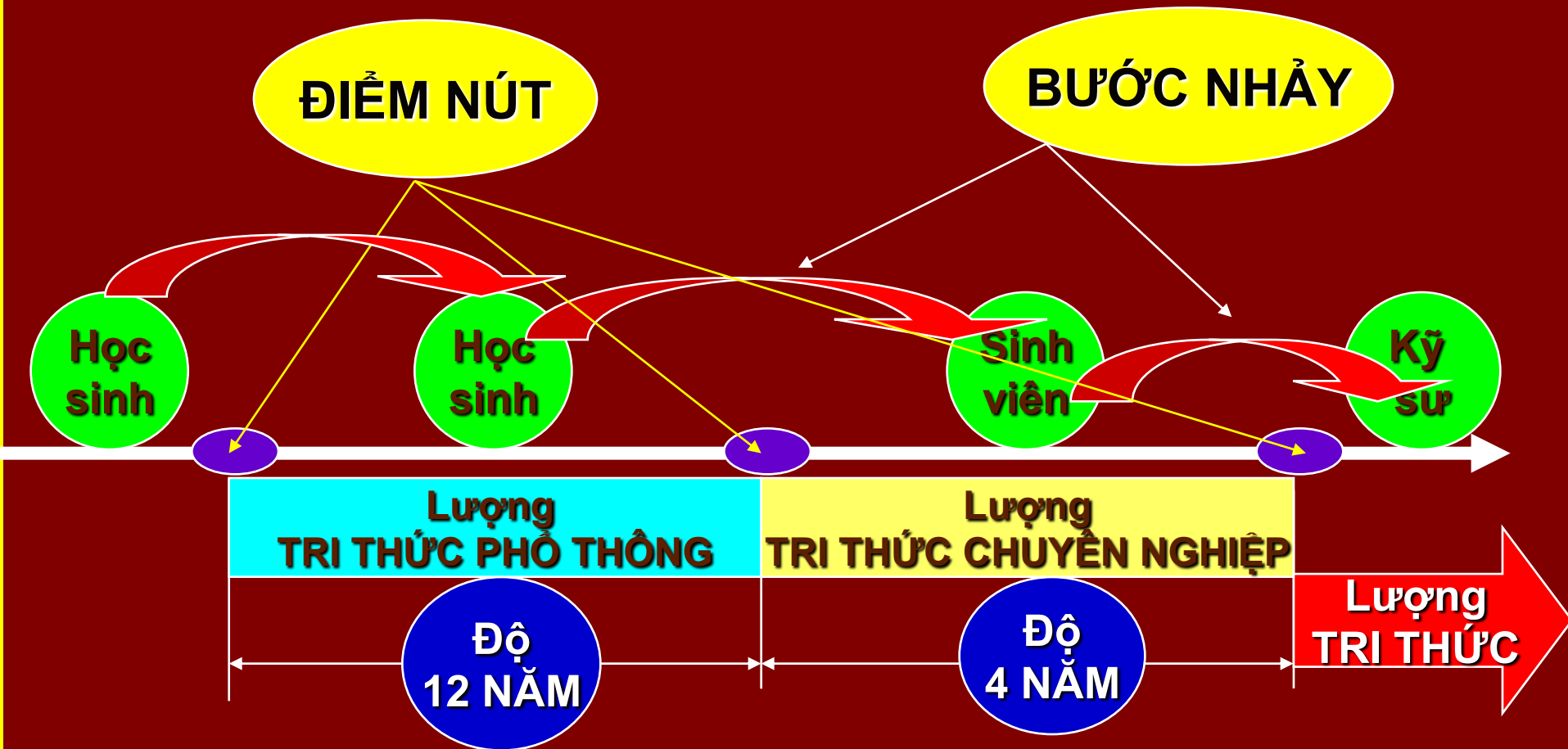
**QUY LUẬT CHUYỂN HOÁ TỪ
NHỮNG THAY ĐỔI VỀ LƯỢNG
THÀNH NHỮNG THAY ĐỔI VỀ CHẤT**

**QUY LUẬT THỐNG NHẤT VÀ
ĐẤU TRANH CỦA CÁC
MẶT ĐỐI LẬP**

**QUY LUẬT
PHỦ ĐỊNH CỦA PHỦ ĐỊNH**



1/ QUY LUẬT CHUYỂN HOÁ TỪ NHỮNG THAY ĐỔI VỀ LƯỢNG THÀNH NHỮNG THAY ĐỔI VỀ CHẤT VÀ NGƯỢC LẠI

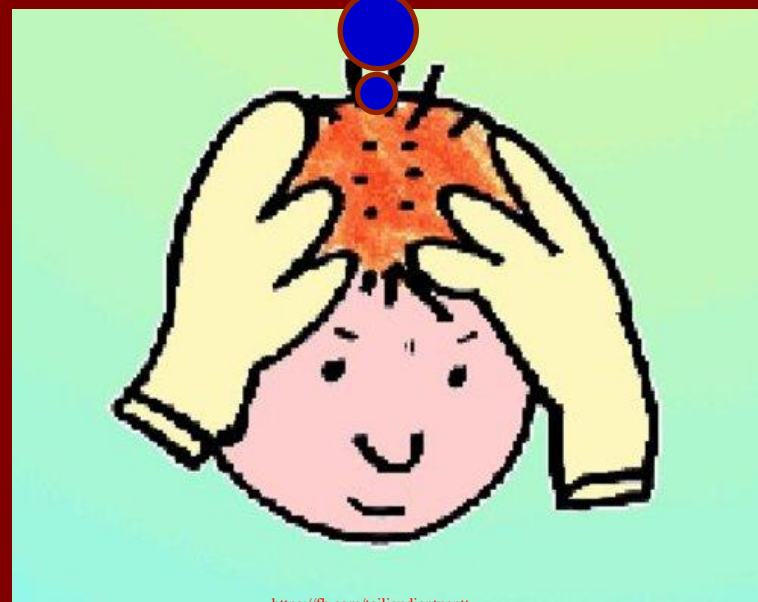


PHƯƠNG THỨC VẬN ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỦA SỰ VẬT



Vai trò của quy luật:
Quy luật này chỉ ra
phương thức vận
động, phát triển của
sự vật, hiện tượng.

Sự vật, hiện
tượng vận
động, phát
triển **bằng**
cách nào ?



a/ Khái niệm lượng, chất

Khái niệm lượng dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật về các phương diện: số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ, nhịp điệu của các quá trình vận động, phát triển của sự vật.

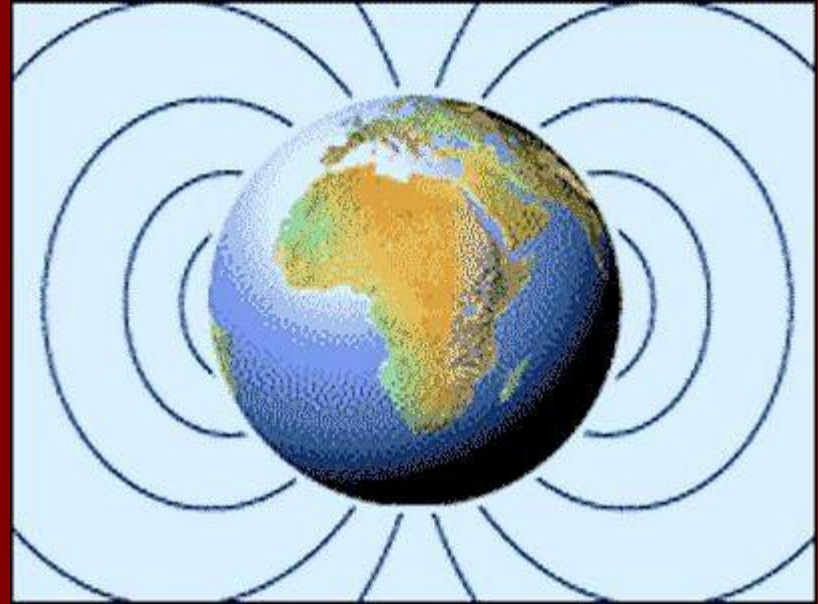


Tiền đóng học phí !

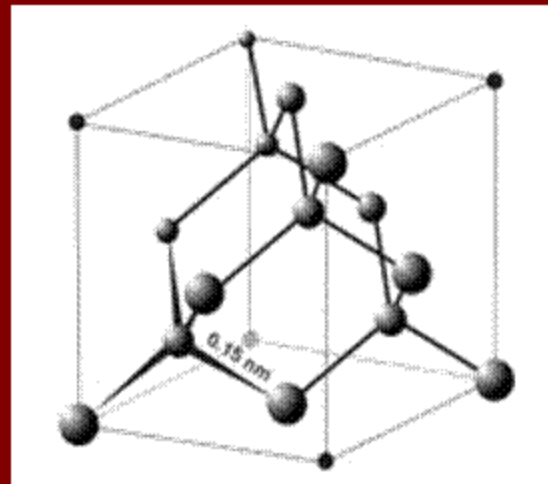


Trận đấu căng thẳng !

Khái niệm **chất** dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng; là sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính cấu thành nó, phân biệt nó với cái khác.



TỪ TRƯỜNG: THUỘC TÍNH CỦA TRÁI ĐẤT



LIÊN KẾT VẬT CHẤT CỦA VẬT THỂ

b/ Quan hệ giữa biến chứng giữa lượng và chất.

+ Sự thay đổi của lượng quyết định sự thay đổi của chất

Bất kỳ sự vật, hiện tượng nào cũng là sự thống nhất giữa mặt chất và mặt lượng. Trong đó, lượng là yếu tố thường xuyên biến đổi để đến một mức độ nào đó sẽ kéo theo sự thay đổi về chất.



**KHÍ THẢI VÀ
Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**



SÓNG THẦN



Sóng biển vỗ bờ

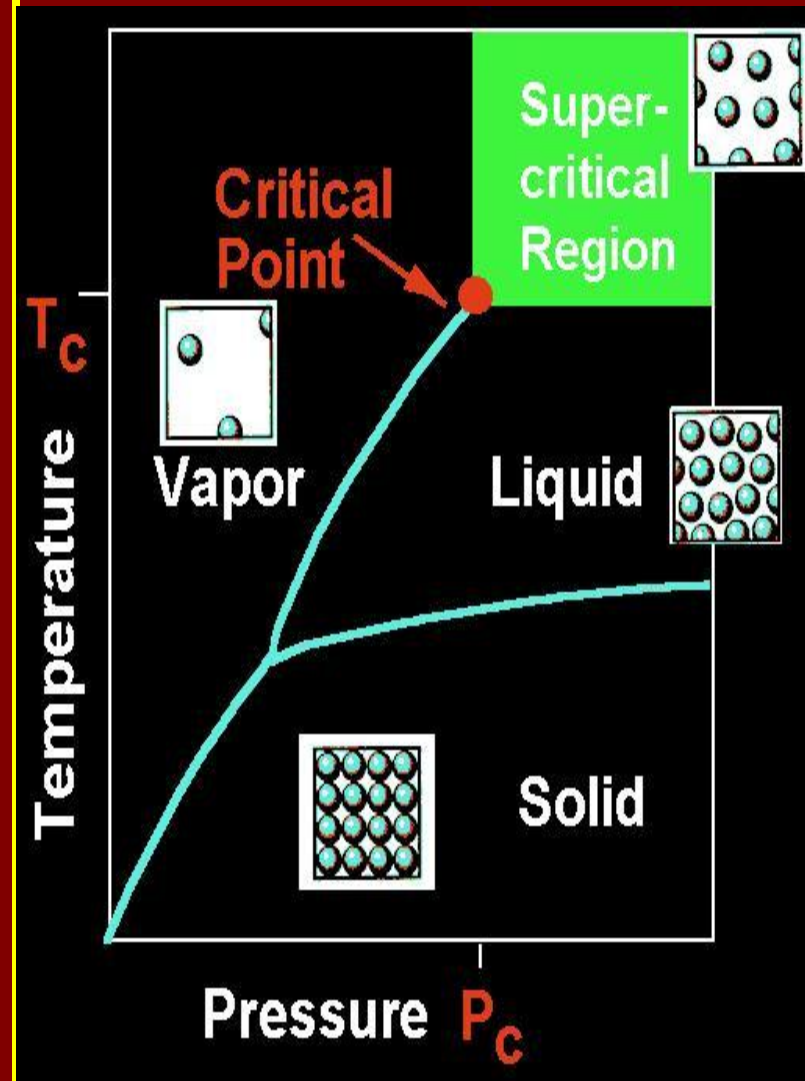
Khi lượng của sự vật được tích lũy vượt quá giới hạn nhất định gọi là **độ**.

Độ là một phạm trù triết học dùng để chỉ khoảng giới hạn mà trong đó sự thay đổi về lượng của sự vật chưa làm thay đổi căn bản chất của sự vật ấy.

Tại những điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng đủ làm thay đổi về chất của sự vật được gọi là **điểm nút**.

Điểm nút là một phạm trù triết học dùng để chỉ thời điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng đã đủ làm thay đổi về chất của sự vật.

Vậy, sự phát triển như là một đường nút của những quan hệ về độ.



**Lượng thay đổi
nhưng chất tương đối cố định**

Sự vật A

Độ
Giới hạn bởi hai điểm nút

ĐIỂM NÚT
Thời điểm chuyển đổi chất



Khi sự thay đổi về chất xảy ra thì gọi là **bước nhảy**.

Bước nhảy là một phạm trù triết học dùng để chỉ giai đoạn chuyển hoá về chất của sự vật do những thay đổi về lượng trước đó gây nên.

Căn cứ và sự phân chia các hình thức cơ bản của bước nhảy.

Căn cứ vào quy mô: bước nhảy toàn bộ và bước nhảy cục bộ.

Căn cứ vào nhịp độ: bước nhảy đột biến và bước nhảy dần dần.

+ Sự tác động lại của chất đối với lượng.

Biểu hiện ở:

+ Chất mới làm thay đổi kết cấu, quy mô, trình độ, nhịp điệu của sự vận động và phát triển của sự vật.



+ Chất
mới tạo
điều kiện
cho
lượng
mới
được
tiếp tục
tích lũy
để có sự
phát
triển về
chất tiếp
theo.



Từ sự phân tích trên chúng ta có thể rút ra nội dung quy luật như sau:

Bất kỳ sự vật, hiện tượng nào cũng có sự thống nhất biện chứng giữa **chất** và **lượng**, sự thay đổi dần về lượng trong khuôn khổ của **độ** tới **điểm nút** sẽ dẫn đến sự thay đổi căn bản về chất của sự vật thông qua **bước nhảy**; chất mới ra đời sẽ tạo điều kiện cho lượng mới được tiếp tục tích lũy để có sự thay đổi về chất tiếp theo.

1/ PHÁT TRIỂN PHẢI
CÓ SỰ TÍCH LŨY VỀ LƯỢNG

2/ LƯỢNG TÍCH LŨY ĐỦ SẼ
CÓ BƯỚC CHUYỂN
VỀ CHẤT

3/ SỰ PHÁT TRIỂN THÔNG
QUA NHIỀU HÌNH THỨC
CỦA BƯỚC NHẢY

4/ LƯỢNG TÍCH LŨY TỚI
GIỚI HẠN MỚI CÓ SỰ
CHUYỂN ĐỔI VỀ CHẤT

NGHIÊN CỨU QUY LUẬT

1/ PHẢI BIẾT CHUẨN BỊ
CHU ĐÁO MỌI VIỆC

2/ PHẢI CHÚ TRỌNG
CẢ HAI MẶT
LƯỢNG VÀ CHẤT

3/ PHẢI BIẾT LỰA CHỌN
BƯỚC NHẢY THÍCH HỢP

4/ KHÔNG ĐƯỢC NÔN
NÓNG TẢ KHUYNH
CŨNG NHƯ BẢO THỦ
HỮU KHUYNH

BÀI HỌC RÚT RA

c/ Ý NGHĨA PHƯƠNG PHÁP LUẬN

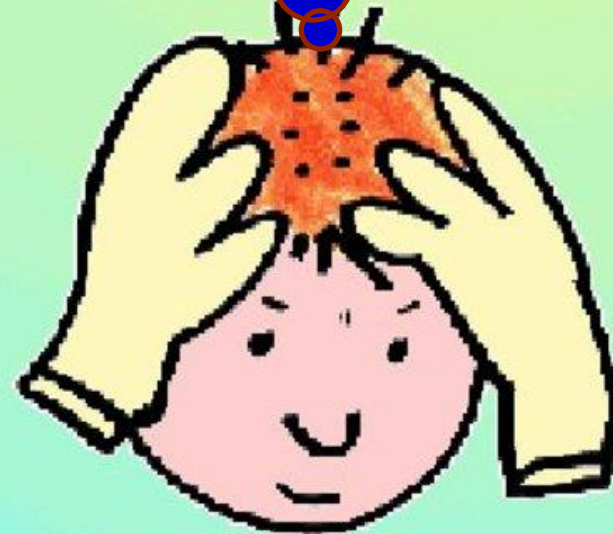


2/ QL THỐNG NHẤT VÀ ĐẤU TRANH CỦA CÁC MẶT ĐỐI LẬP. (Quy luật mâu thuẫn)

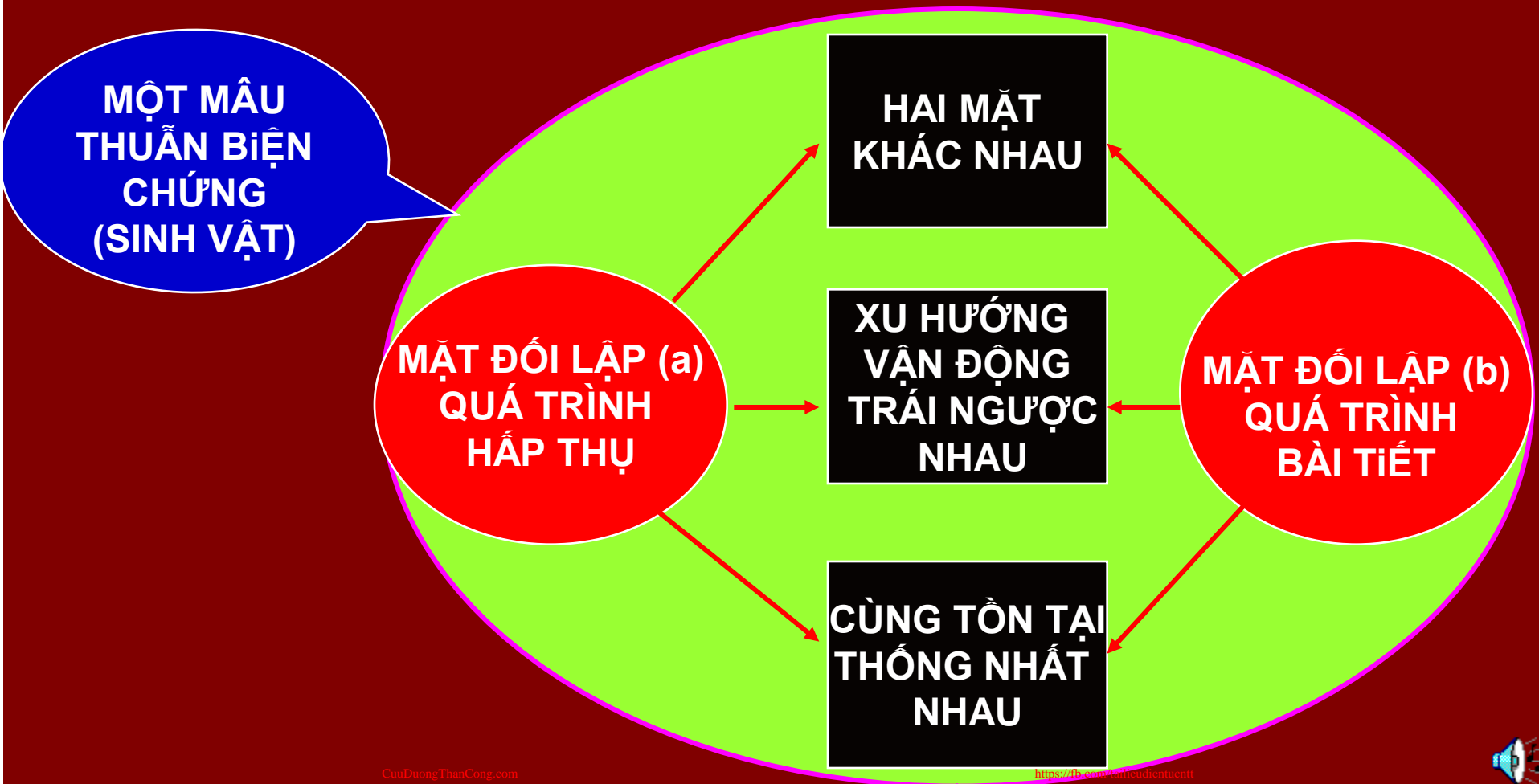
Vai trò: Quy luật này chỉ ra nguyên nhân của sự vận động và phát triển của sv/ht.

a/ Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn.

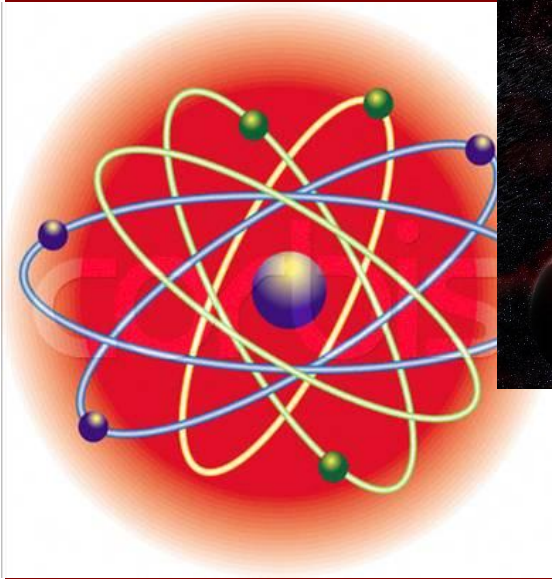
Vì sao sự vật, hiện tượng vận động và phát triển được ?



Mâu thuẫn là khái niệm dùng để chỉ mối liên hệ thống nhất, đấu tranh và chuyển hóa giữa những mặt đối lập của mỗi sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau.



Mặt đối lập
là những
mặt, những
thuộc tính,
những
khuy nh
hướng vận
động trái
ngược nhau
nhưng đồng
thời là điều
kiện, tiền đề
để tồn tại lẫn
nhau.



NHỮNG MẶT ĐỔI LẬP

NHỮNG MẶT ĐỐI LẬP TRONG TRIẾT HỌC

- + Duy vật với Duy tâm.
- + Biện chứng với Siêu hình
- + Âm với Dương trong Thái cực
- + Kim khắc Mộc...trong Ngũ hành
- + Lượng với Chất
- + Vận động với Đứng im
- + Toàn diện với Phiến diện
- + Khẳng định với Phủ định
- + Bản chất với Hiện tượng và các cặp phạm trù khác.

NHỮNG MẶT ĐỐI LẬP TRONG TRIẾT HỌC

- + Giai cấp thống trị với Giai cấp bị trị
- + Quy nạp với Diễn dịch
- + Lý luận với Thực tiễn
- + Khách quan với Chủ quan
- + Vĩ nhân với Quần chúng
- + Lực lượng sản xuất với Quan hệ sản xuất
- + Cá nhân với Tập thể (Xã hội)
- + Cơ sở hạ tầng với Kiến trúc thượng tầng

NHỮNG MẶT ĐỐI LẬP TRONG TỰ NHIÊN

- + Đồng hóa với Dị hoá
- + Lực Hút với Lực Đẩy
- + Điện âm với Điện dương
- + Lũ lụt với Hạn hán
- + Trọng lực với Phản lực
- + Trong sạch với Ô nhiễm
- + Lực kéo với Ma sát

NHỮNG MẶT ĐỐI LẬP TRONG XÃ HỘI

- + Tốt với Xấu;
- + Tích cực với Tiêu cực;
- + Thánh thiện với Thấp hèn;
- + Chính và Tà;
- + Trung và Nịnh;
- + Chiến tranh với Hoà bình
- + Cái may mắn với Cái rủi ro.
- + Phát triển với Trì trệ
- + Quyền lợi với Nghĩa vụ
- + Quân tử với Tiểu nhân

NHỮNG MẶT ĐỐI LẬP TRONG XÃ HỘI

- + Hung dữ với Dịu hiền
- + Đối nội với Đối ngoại
- + Phản diện với Chính diện
- + Năng động với Thụ động
- + Xây dựng với phá hủy
- + Hạnh phúc với Bất hạnh
- + Kết hôn với Ly dị
- + Tiết kiệm với Hoang phí
- + Kiêu ngạo với Khiêm tốn
- + Mơ mộng với Thực tế
- + Hưng thịnh với Suy vong

NHỮNG MẶT ĐỐI LẬP TRONG XÃ HỘI

- + Chung thủy với Phản bội
- + Trung thực với Giả dối
- + Thật thà và Gian xảo
- + Mua với Bán
- + Văn minh với Lạc hậu
- + Vinh quang với Cay đắng
- + Tiến bộ với Lạc hậu
- + Cương với Nhu

NHỮNG MẶT ĐỐI LẬP TRONG TƯ DUY

- + Giận với Thương
- + Yêu với Ghét
- + Bao dung với Hẹp hòi
- + Ích kỷ với Rộng lượng
- + Sáng tạo với Rập khuôn
- + Thông minh với Ngu đần
- + Lý trí với Tình cảm
- +

NHỮNG MẶT ĐỐI LẬP TRONG KINH TẾ

- + Cung với Cầu
- + Hàng với Tiền
- + Thành với Bại
- + Thu với Chi
- + Nhập khẩu với Xuất khẩu
- + Giá trị với giá trị sử dụng
- + Tích lũy với Tiêu dùng
- +

Các tính chất chung của mâu thuẫn

- + Tính khách quan
- + Tính phổ biến
- + Tính đa dạng

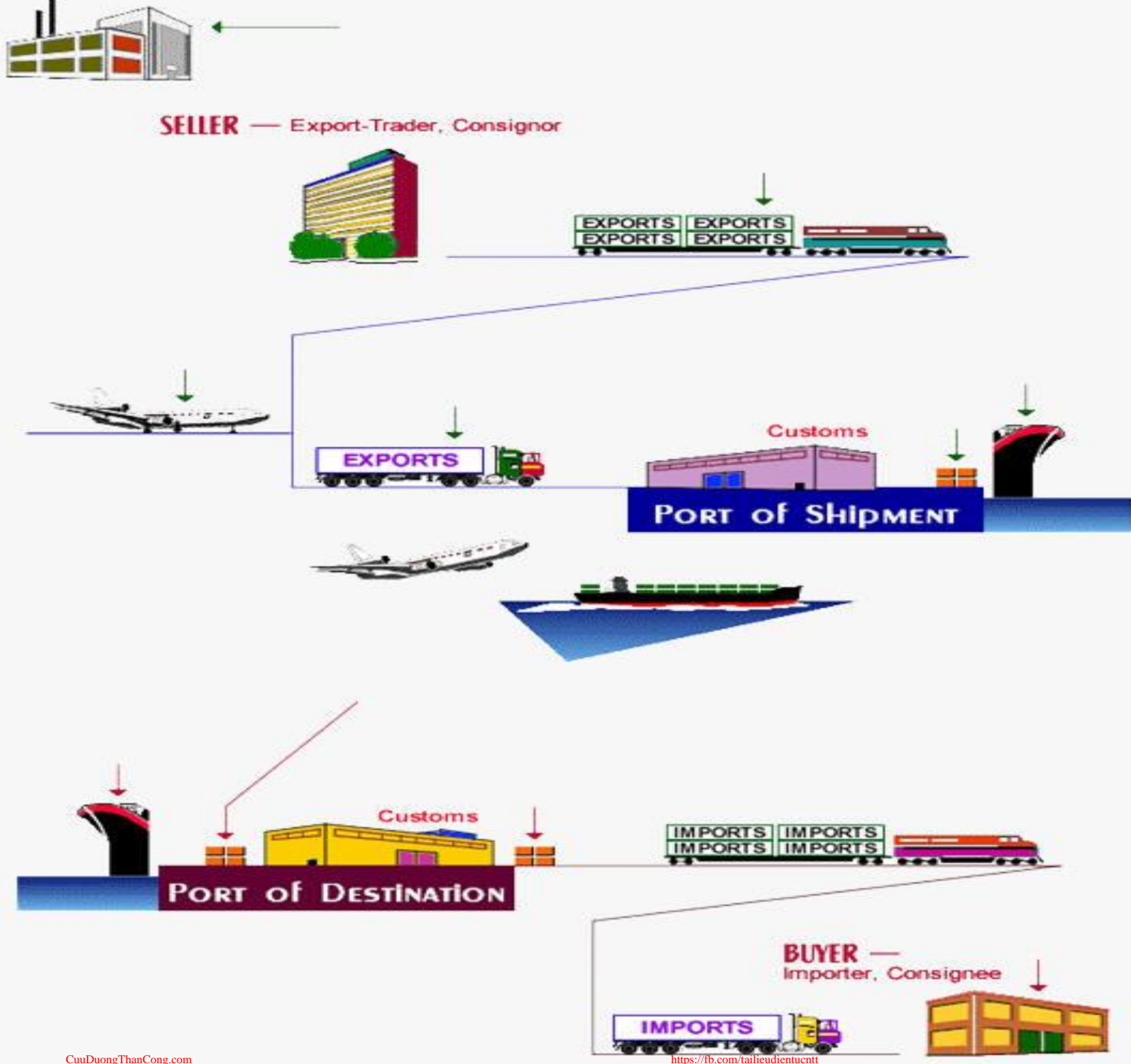
**b/ Quá trình vận động của
mâu thuẫn:** vừa **thống nhất**
lại vừa **đấu tranh** với nhau

**+ Sự thống nhất của
các mặt đối lập** là sự liên
hệ, ràng buộc, không tách
rời nhau, quy định lẫn nhau
của các mặt đối lập, mặt
này lấy mặt kia làm tiền đề
tồn tại.

(Thống nhất bao hàm
sự đồng nhất, phù hợp, tác
dụng ngang nhau)



+ Sự
đấu
tranh
của các
mặt đối
lập là sự
tác động
qua lại,
bài trừ,
phủ định
nhau
của các
mặt đối
lập.



Mâu thuẫn là nguồn gốc của sự vận động và phát triển.

Trong mâu thuẫn, sự thống nhất là trạng thái tương đối, còn sự đấu tranh là trạng thái tuyệt đối. Đấu tranh của các mặt đối lập quy định một cách tất yếu sự thay đổi của các mặt đang tác động và làm cho mâu thuẫn phát triển.



n
thành hai mặt đối lập.

Khi hai mặt đối lập của
mâu thuẫn xung đột
với nhau và nếu điều
kiện chín muồi thì
chúng sẽ chuyển hóa
lẫn nhau, mâu thuẫn
được giải quyết, sự
vật mới ra đời.



Từ sự phân tích trên có thể rút ra nội dung quy luật mâu thuẫn như sau:

Mọi sự vật đều chứa đựng những khuynh hướng biến đổi ngược chiều nhau gọi là những mặt đối lập. Mối liên hệ của hai mặt đối lập tạo nên mâu thuẫn. Các mặt đối lập vừa thống nhất với nhau vừa chuyển hoá lẫn nhau làm cho mâu thuẫn được giải quyết, sự vật biến đổi và phát triển, cái mới ra đời thay thế cái cũ.

c/ Ý nghĩa phương pháp luận

+ n là sự đấu tranh giữa các mặt đối lập, nên trong nhận

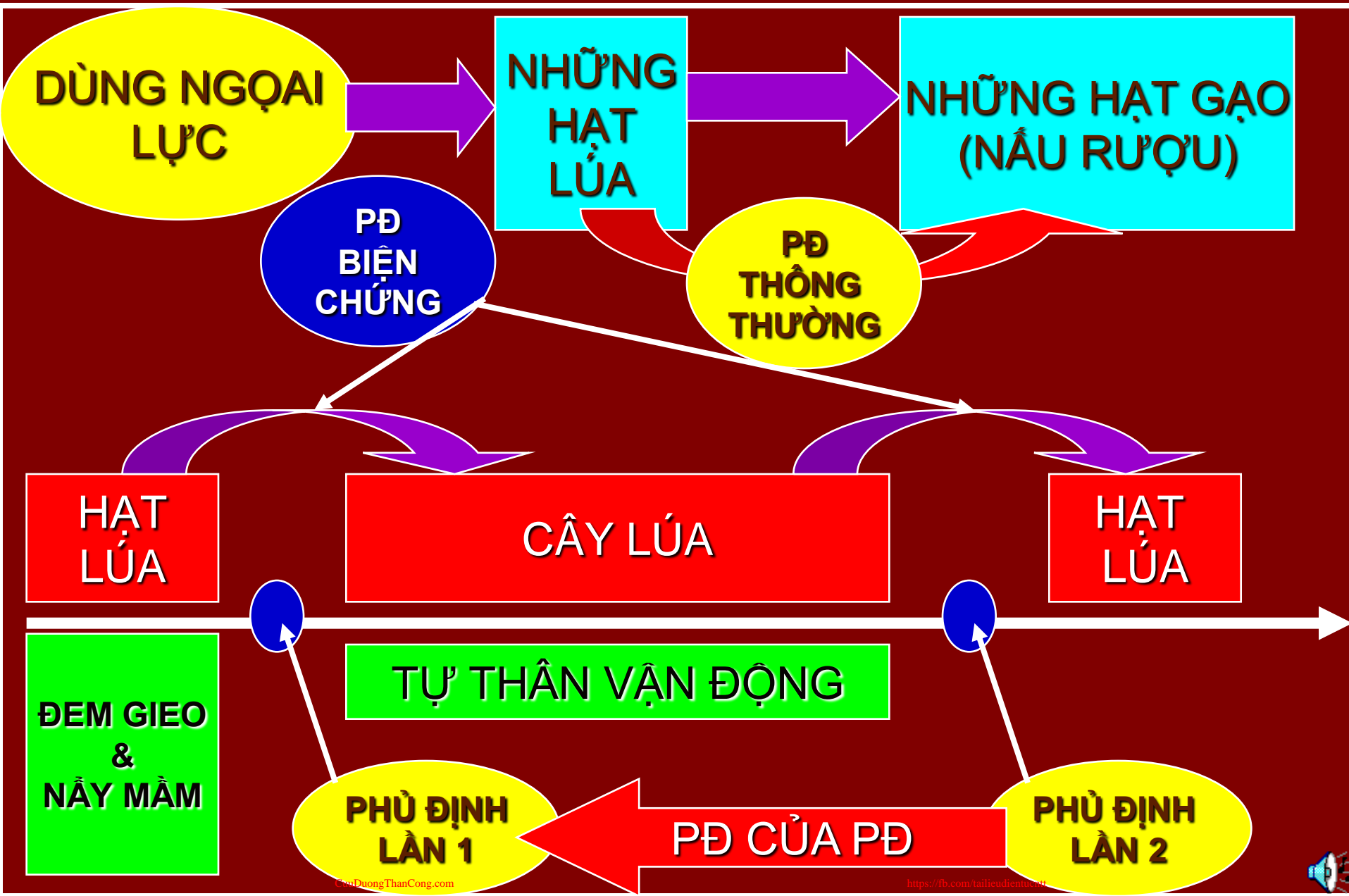
n của sự vật.

+ Vì mâu thuẫn rất đa dạng, nên trong nhận thức và giải quyết mâu thuẫn cần có quan điểm lịch sử cụ thể.

Phải tìm ra mâu thuẫn và giải quyết nó mới được !



3/ QUY LUẬT PHỦ ĐỊNH CỦA PHỦ ĐỊNH.



Vai trò: Quy luật
này chỉ ra
khuynh hướng
vận động, phát
triển của thế giới.

Xu hướng vận
động và phát
triển của thế
giới vật chất ?



**a/ Khái niệm
phủ định và phủ
định biện chứng.**

+ Phủ định là
sự thay thế sự vật
này bằng sự vật
khác trong quá
trình vận động và
phát triển.



+ **Phủ định biện chứng** là những phủ định tạo ra điều kiện, tiền đề cho sự phát triển của sự vật.



Đặc trưng cơ bản của phủ định biện chứng:

- + Tính khách quan.
- + Tính kế thừa.

b/ Phủ định của phủ định

Động lượng của sự vật theo chu kỳ hình “xoáy ốc” tức có tính chất “phủ định của phủ định”.

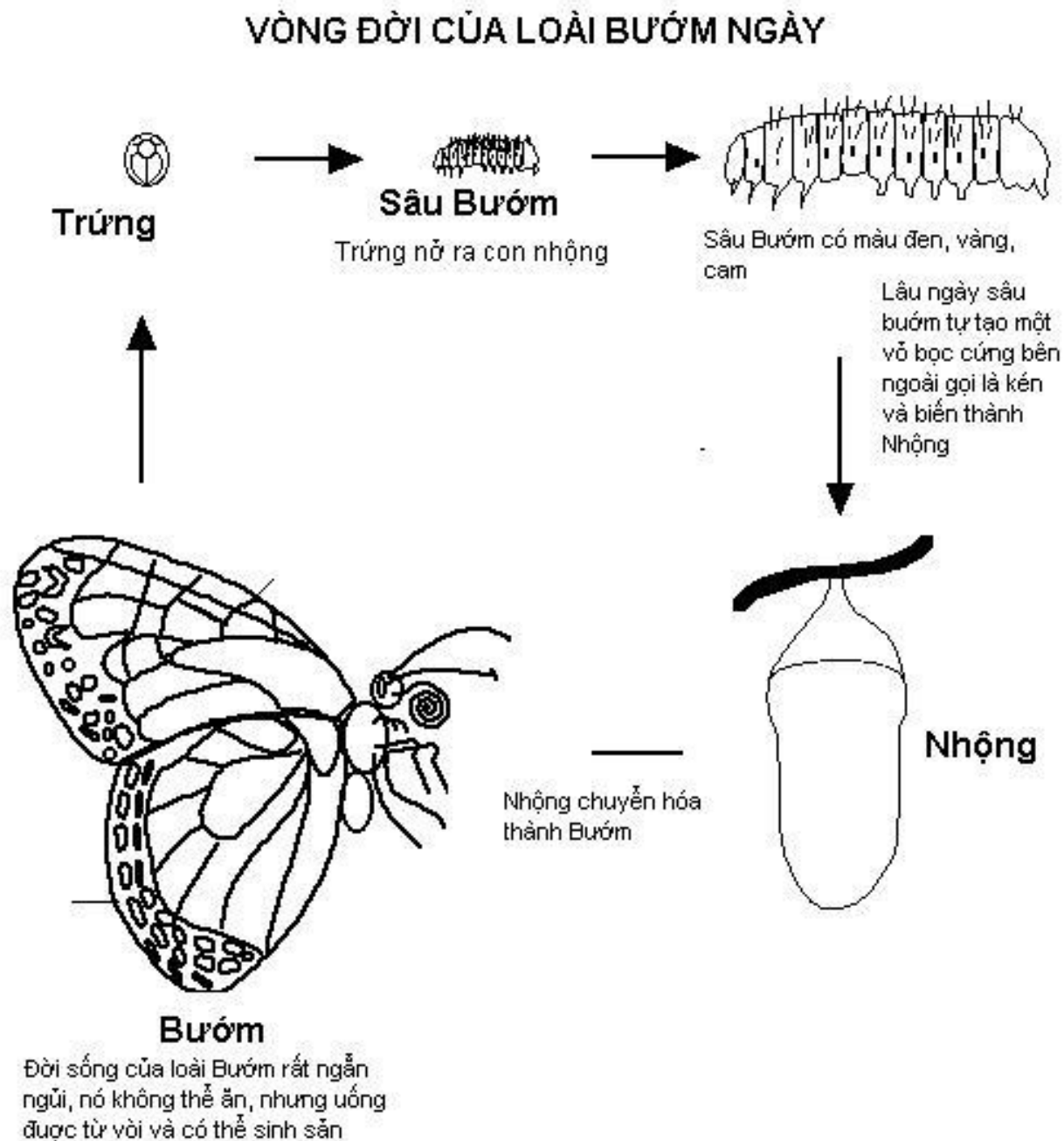
Động lượng của sự vật thường phải trải qua hai lần phủ định cơ bản với ba hình thái tồn tại chủ yếu của nó, trong đó hình thái cuối mỗi chu kỳ sẽ lập lại những đặc trưng cơ bản của hình thái ban đầu của chu kỳ đó nhưng trên cơ sở cao hơn, hoàn thiện hơn (nhờ vào tính kế thừa).

Do sự tác động của những mặt đối lập bên trong sự vật mà lần phủ định thứ nhất được thực hiện một cách căn bản, sự vật cũ chuyển thành cái đối lập của nó (tức cái trung gian) .

Sự xuất hiện của cái trung gian chứa đựng trong bản thân nó xu hướng dẫn đến sự phủ định tiếp theo.

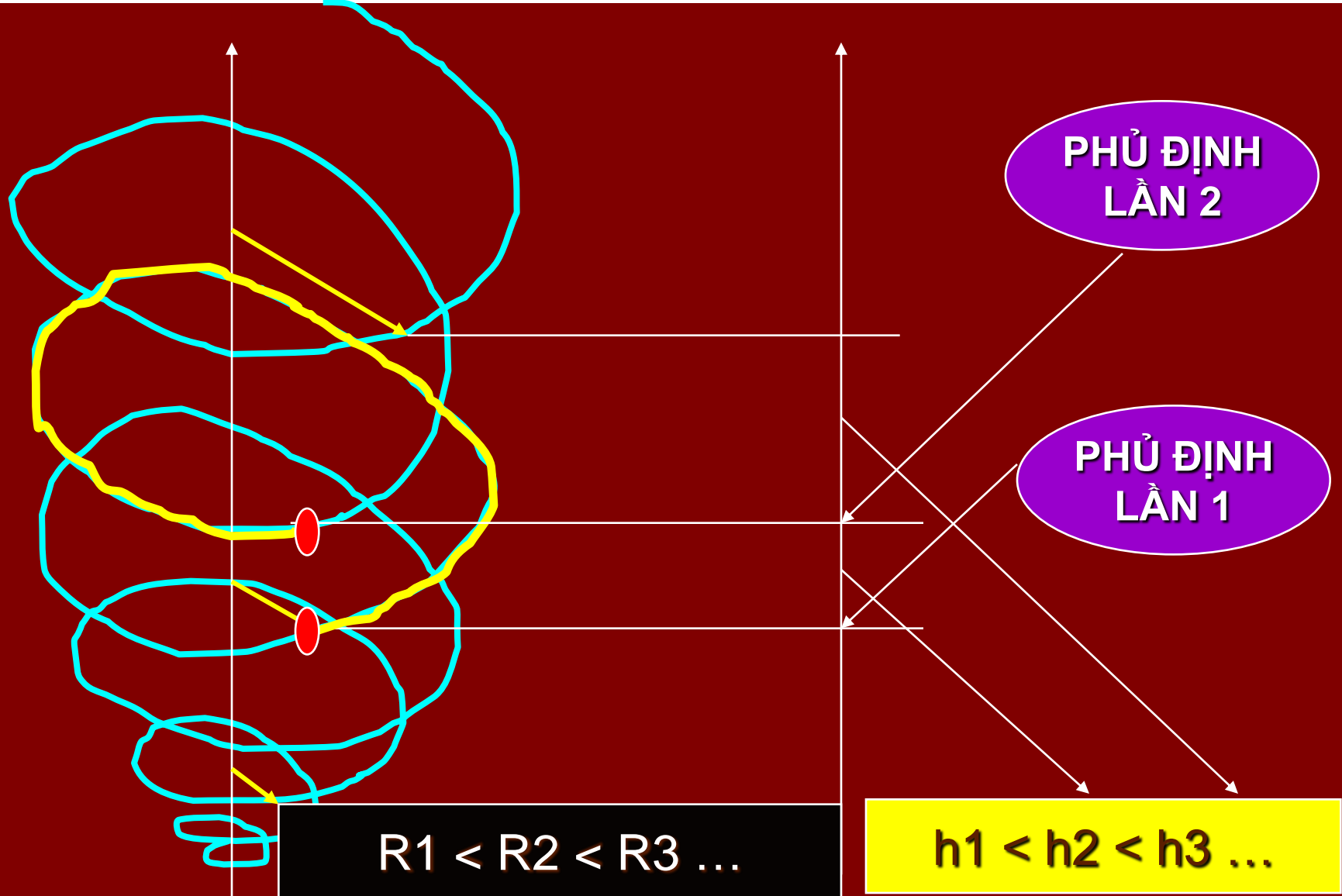
Sau lần phủ định thứ 2, sự vật mới ra đời trong đó có sự lặp lại một số đặc trưng cơ bản của cái xuất phát ban đầu, nhưng trên cơ sở cao hơn.

Một chu kỳ phủ định biện chứng có thể có số lần phủ định từ hai lần trở lên. Điều đó phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.



Phủ định biện chứng là sự phủ định có tính chất tiến lên theo đường xoáy ốc. Đường xoáy ốc biểu thị rõ ràng, đầy đủ các đặc trưng của quá trình phát triển biện chứng như tính kế thừa, tính lặp lại, tính tiến lên.



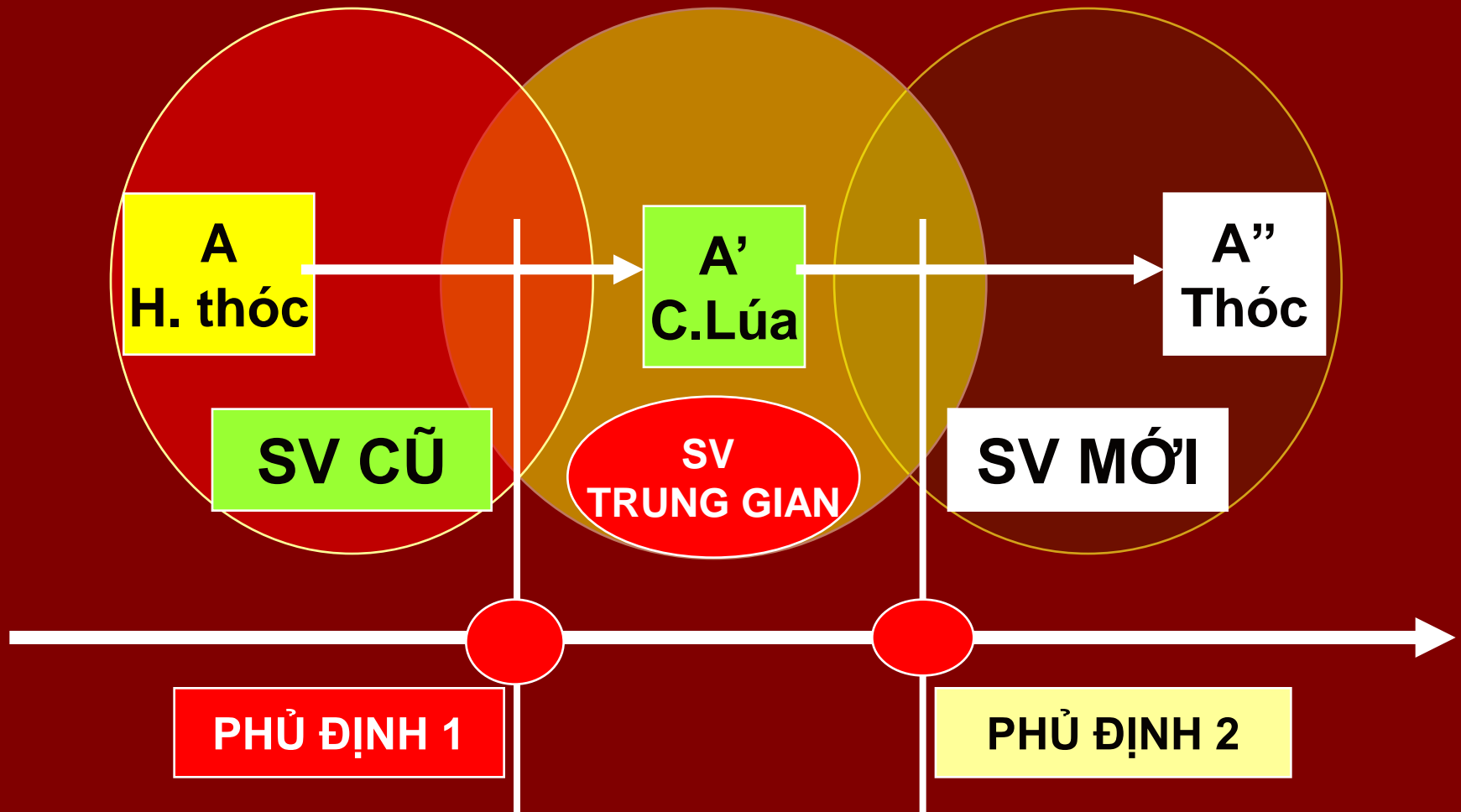


Tính xoắn ốc của chu kỳ phủ định của phủ định

Từ sự phân tích trên chúng ta khái quát nội dung cơ bản của quy luật như sau:

Quy luật phủ định của phủ định nêu lên mối liên hệ, sự kế thừa giữa cái khẳng định và cái phủ định, nhờ đó phủ định biện chứng là điều kiện cho sự phát triển; nó bảo tồn nội dung tích cực của các giai đoạn trước và bổ sung thêm những thuộc tính mới làm cho sự phát triển đi theo đường “xoáy ốc”

QL PHỦ ĐỊNH CỦA PHỦ ĐỊNH



1/ CÁI MỚI TẤT YẾU
XUẤT HIỆN
VÀ CHIẾN THẮNG

1/ PHẢI CÓ THÁI ĐỘ
ỦNG HỘ CÁI MỚI,
CÁI TIẾN BỘ

2/ SỰ PHÁT TRIỂN LUÔN
CÓ TÍNH KẾ THỪA

2/ KHÔNG PHỦ ĐỊNH
SẠCH TRƠN, CŨNG KHÔNG
BẢO THỦ

3/ SỰ PHÁT TRIỂN LUÔN
QUANH CỎ PHỨC TẠP

3/ KHÔNG LẠC QUAN TỂU
CŨNG KHÔNG QUÁ BI QUAN

NGHIÊN CỨU QUY LUẬT

BÀI HỌC RÚT RA

3/ Ý NGHĨA PHƯƠNG PHÁP LUẬN

V/ LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG

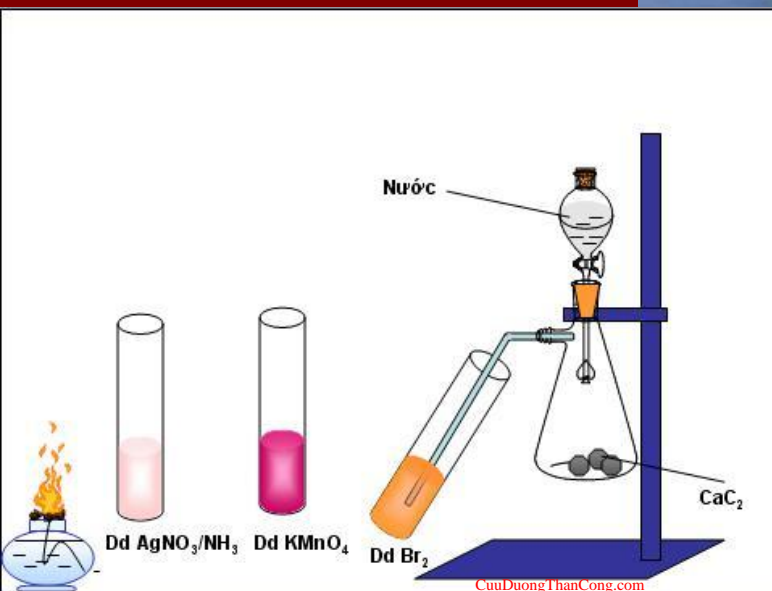
1/ Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức.

a/ Phạm trù “thực tiễn”.

Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử – xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

Định nghĩa có 3 ý:

Thứ nhất, thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất của con người, tức toàn bộ hoạt động của con người có thuộc tính thực tại khách quan.



Bao gồm:

+ Hoạt động sản xuất vật chất (Quyết định).

+ Hoạt động chính trị xã hội.

+ Hoạt động thực nghiệm khoa học.

Thứ nhì, hoạt động thực tiễn mang tính khách quan và tính lịch sử – xã hội.

Ta đứng
ngòai
hoạt động
thực tiễn
được không?



Thứ ba, mục đích của hoạt động thực tiễn là tác động cải biến tự nhiên, xã hội phục vụ đời sống con người.



**CÓ MỤC ĐÍCH LÀ CẢI BIẾN THẾ GIỚI VẬT CHẤT
PHỤC VỤ ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI**

CÓ TÍNH KHÁCH QUAN & TÍNH LỊCH SỬ - XÃ HỘI

**HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT
VẬT CHẤT**

**HOẠT ĐỘNG
CHÍNH TRỊ
XÃ HỘI**

**HOẠT ĐỘNG
THỰC NGHIỆM
KHOA HỌC**

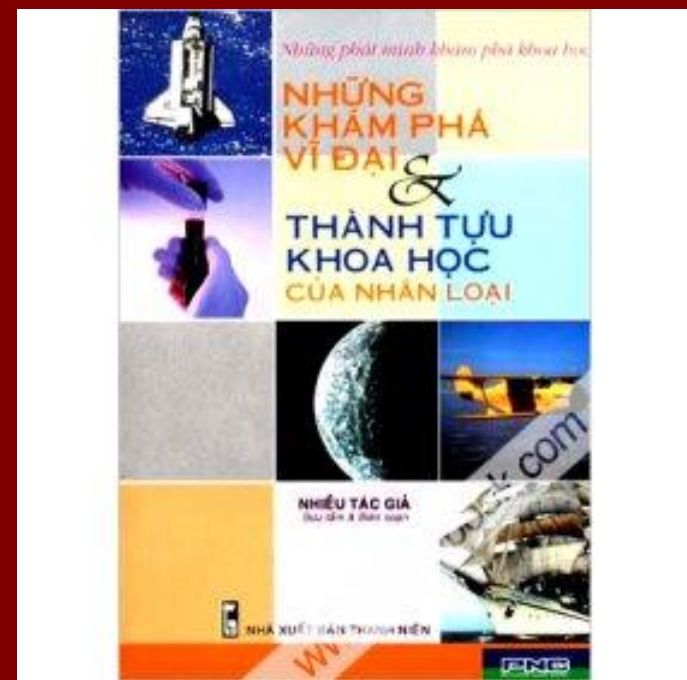
**TOÀN BỘ HOẠT ĐỘNG
CÓ TÍNH THỰC TẠI KHÁCH QUAN**

HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN LÀ GÌ ?



b/ Vai trò của hoạt động thực tiễn đối với nhận thức.

Thứ nhất, thực tiễn là cơ sở cho nhận thức. Thông qua HĐTT con người buộc thể giới bộc lộ những thuộc tính của chúng. Bằng những thao tác tư duy, con người tìm ra những quy luật của thể giới, hình thành các lý thuyết khoa học.



năm 2007. (TTXVN)

Các sự kiện công nghệ tiêu biểu của năm 2006

Rất nhiều sự kiện công nghệ đã diễn ra suốt năm qua. Con người đã phát minh ra các công nghệ ngày càng hiện đại. Hãng thông tấn Reuters nhìn lại các sự kiện công nghệ nổi bật trong năm 2006 gắn với những ứng dụng rất đời thường.

1. Cuộc chiến giữa các trò chơi. Năm qua, các game thủ không ngớt vui mừng với các model máy chơi game liên tục ra đời; đằng sau đó là sự cạnh tranh quyết liệt của các hãng sản xuất. Nếu Sony ra mắt máy PS3, Microsoft liên giới thiệu model Xbox 360 mới. Ngay sau đó, Hãng Nintendo phát hành máy chơi game Wii với bộ cảm ứng chuyển động giúp người sử dụng điều khiển trò chơi mà không cần cầm nắm.

2. Thiếp thị bằng YouTube. Cuộc sống của cư dân mạng trong năm qua cực kỳ sinh động hơn với YouTube và các trang web chia sẻ video tương tự. Họ có cái nhìn rộng và đa dạng hơn về thế giới với những sự kiện mà các hãng thông tấn không thể chuyển tải hết. Từ các bài hát cải biên, vụ thử nghiệm bỏ học theo vào nước có ga và chiến dịch

"Hãy ôm nhau đi", gần đây người ta còn thấy một công ty tuyển diễn viên qua mạng hay chuyển cảnh sát Canada bắt cướp nhờ đoạn video trên YouTube.

3. Robot hầu bàn. Châu Á có một số sáng kiến tiên phong trong việc đưa công nghệ vào cuộc sống. Điển hình là Hồng Kông với các quán cà phê công nghệ cao. Tại những nhà hàng như Robot Kitchen và Western Star, khách hàng chỉ cần ngồi xuống và ăn nết. Món ăn không phải lúc nào cũng ra nhanh, nhưng đảm bảo họ sẽ luôn ăn tương khi trò chuyện với cô robot hầu bàn luôn mỉm cười.

4. Tivi bảo an. Người dân Anh đã tìm ra một ứng dụng mới của công nghệ camera giám sát. Họ tích hợp các máy quay an ninh vào truyền hình. Bằng cách này họ vừa xem tivi, vừa có thể quan sát quang cảnh xung quanh nhà mình.

5. Nhạc số và sức khỏe. Hai yếu tố này có liên hệ gì? Hồi tháng năm, hãng giày thể thao Nike đã bắt tay với Apple, nhà sản xuất máy nghe nhạc iPod, để tạo nên mối liên kết đó. Những người chạy bộ buổi sáng giờ đây có thể vừa chạy vừa nghe nhạc và vừa theo dõi sức khỏe của họ qua thiết bị Nike+iPod gắn vào giày. Thiết bị này gửi các thông tin như thời gian - quãng đường chạy, số calo tiêu thụ vào máy iPod.



Pod và thiết bị theo dõi sức khỏe Nike - Ảnh: Reuters
cao. Các nhà về sinh ở Nhật có lẽ thuộc hàng tiên nghi nhất thế giới. Loại bồn cầu tự rửa, tự sấy này đã là chuyên "hóa rời Diêm". Hãng Matsushita Electric Industrial năm rồi giới thiệu bộ thiết bị về sinh Kenko Toware (toilet sức khỏe) với

khả năng kiểm tra cân nặng, lượng mỡ trong cơ thể, tình trạng của chất thải và thông báo cho người sử dụng.

MINH HUY (Theo Reuters)



Toilet hiện đại này của công ty Nhật có thể gọi những thông số về sức khỏe cho bác sĩ phân tích - Ảnh: Google

10 ĐỘT PHÁ KHOA HỌC

● Tập chí Science vừa công bố danh sách 10 đột phá khoa học trong năm 2006 và nhà toán học "lạ đời" người Nga, tiến sĩ Grigory Perelman, với công trình chứng minh bài toán phức tạp nhất của thế kỷ trước có tên gọi là giả thuyết Poincare, đã được bình chọn là tiến bộ quan trọng nhất trong năm 2006. Vì trị thứ hai thuộc về công trình tái tạo những đoạn ADN của người Neanderthal (chứng người gần gũi nhất với chúng ta trong quá trình tiến hóa, sống cách đây 38.000 năm) góp phần giải đáp những thay đổi mang tính di truyền về con người hiện nay.

● Các công trình khác nằm trong danh sách bao gồm khám phá của các nhà băng hà học về hai dải băng đang tan vào đại dương với tốc độ ngày càng tăng; công trình nghiên cứu về quá trình tiến hóa kéo dài 375 triệu năm của các sinh vật biến thành các động vật trên cạn; công trình tạo ra "chiếc áo tàng hình" của một nhóm nhà khoa học Anh và Mỹ; loại thuốc Lucentis trong quá trình thử nghiệm lâm sàng cho thấy có thể điều trị bệnh lý thoái hóa điểm vàng mạc do tuổi già...

HỒNG THÀNH (Theo BBC)

Thứ 2/ Thực tiễn là động lực của nhận thức.

+ Thực tiễn luôn đề ra những nhu cầu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển của nhận thức.

+ Hoạt động thực tiễn làm hoàn thiện dần các giác quan, qua đó tăng dần khả năng nhận thức của con người.



Thứ 3/ Thực tiễn là mục đích của nhận thức.

Lý luận khoa
học chỉ có ý
nghĩa thực sự
khi chúng được
vận dụng vào
thực tiễn, cải
n thiện thực
tiễn

i.



Thứ tư:
Thực tiễn là
tiêu chuẩn
của chân lý.

Chính
thực tiễn là
tiêu chuẩn
duy nhất của
nhận thức,
tiêu chuẩn
này vừa có
tính tuyệt đối
vừa có tính
tương đối.



$$\vec{F}_{AB} = - \vec{F}_{BA}$$

Nghiên cứu vai trò thực tiễn chúng ta rút ra bài học:

Nhận thức phải xuất phát từ thực tiễn, trên cơ sở thực tiễn, coi trọng việc tổng kết thực tiễn để có những nhận thức đóng vai trò định hướng cho hoạt động thực tiễn tiếp theo.

Cần tránh hai khuynh hướng.

- + Xa rời thực tiễn chúng ta sẽ rơi vào bệnh chủ quan, duy ý chí.
- + Tuyệt đối hóa thực tiễn sẽ mắc bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa.

c/ Nhận thức và các trình độ nhận thức

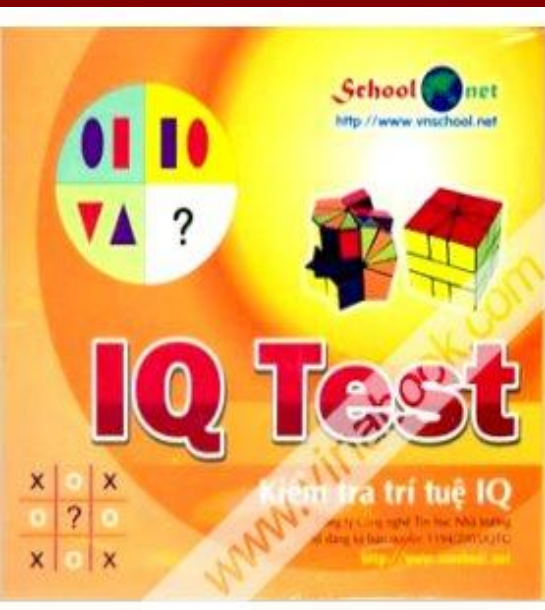
Nhận thức là quá trình phản ánh tích cực, tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc người trên cơ sở thực tiễn, nhằm sáng tạo ra những tri thức về thế giới khách quan.

NGHIÊN CỨU KHÔNG GIAN

Quan niệm trên
xuất phát từ bốn
nguyên tắc sau:

♣ Một là, thừa
nhận thế giới vật
chất tồn tại khách
quan, độc lập với
ý thức con người.





♣ Hai là,
thừa nhận
năng lực
nhận thức
của con
người. Chỉ
có cái
chưa biết
chứ không
có cái
không
biết.

♣ Ba là, nhận thức là một quá trình biến chứng, tích cực, sáng tạo. Quá trình này đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.



Hình 1



Hình 3



Hình 4

Chuồn chuồn (Hemiptera)



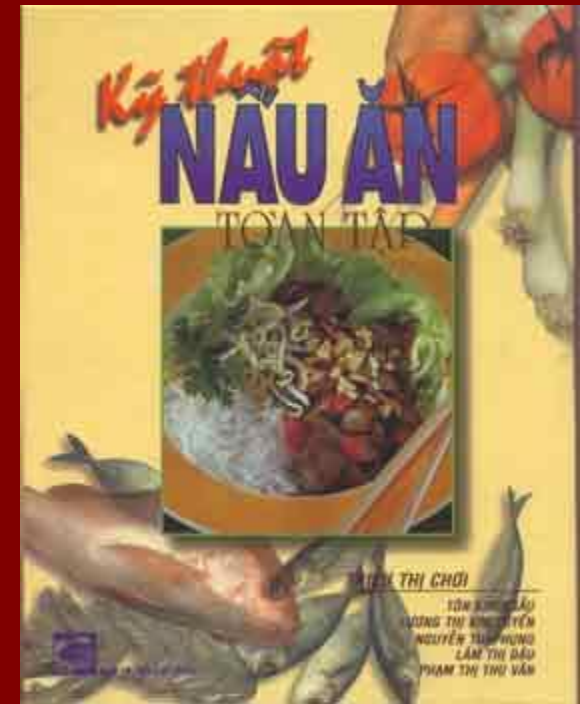
♣ **Bốn là**, cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của nhận thức là thực tiễn. Thực tiễn còn là động lực, mục đích và là tiêu chuẩn để kiểm tra chân lý.



Nhận thức là một quá trình với nhiều cấp độ khác nhau như:

- Từ nhận thức kinh nghiệm đến nhận thức lý luận

- Từ nhận thức thông thường đến nhận thức khoa học



Nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận. Sự phân chia trên dựa trên trình độ thâm nhập vào bản chất của sự vật.

Nhận thức kinh nghiệm là nhận thức hình thành từ sự quan sát trực tiếp các sự vật hiện tượng trong tự nhiên, xã hội hay trong các thí nghiệm khoa học.

K t quả thu được là tri thức kinh nghiệm gồm hai loại: tri thức kinh nghiệm thông thường (từ cuộc sống hàng ngày) và tri thức kinh nghiệm khoa học (hình thành và phát triển trên cơ sở nhận thức kinh nghiệm các thí nghiệm k.học).

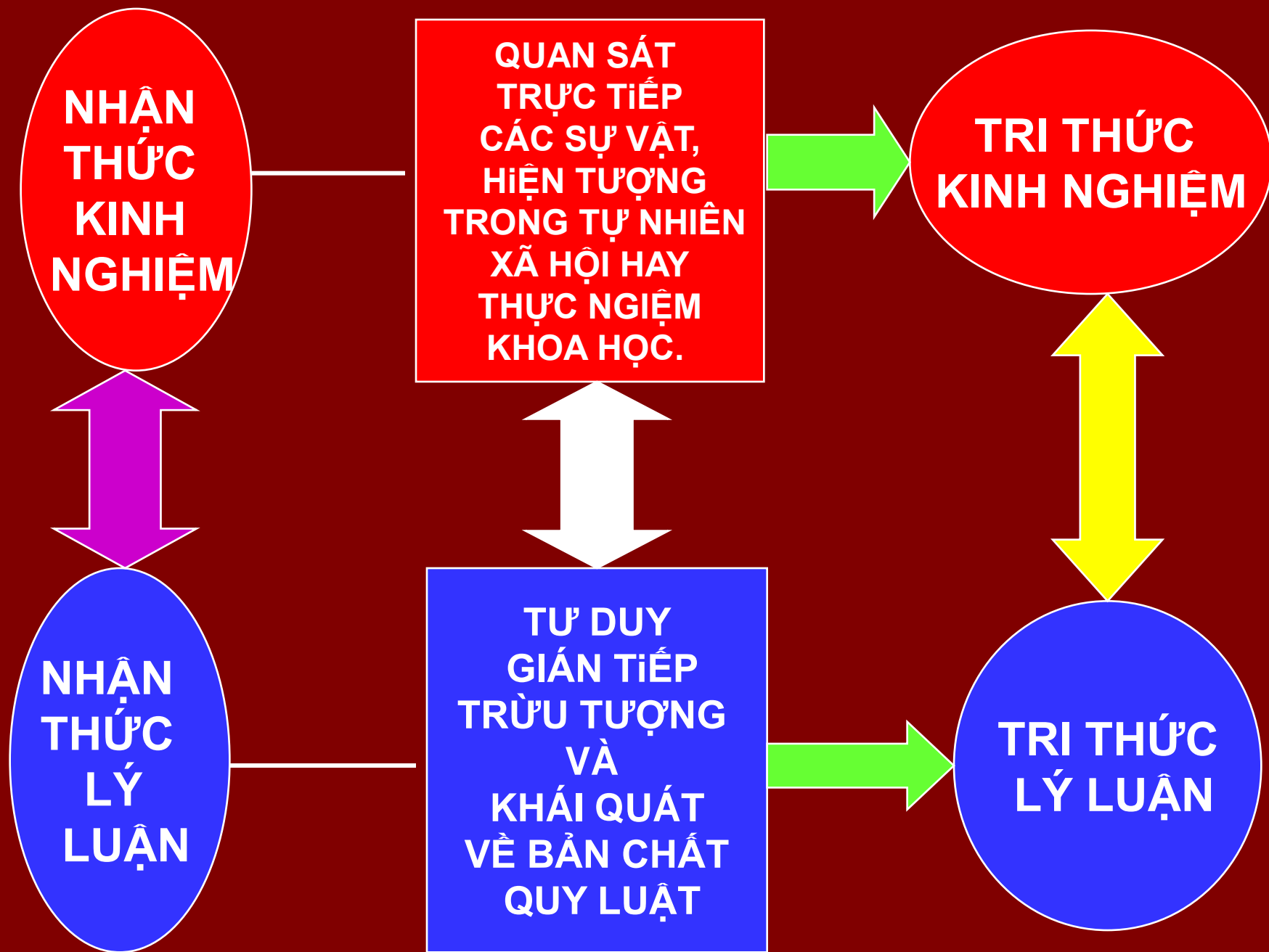
Nhận thức lý luận (gọi tắt là lý luận) là loại nhận thức gián tiếp, trừu tượng và khái quát về bản chất và quy luật của các sự vật, hiện tượng. Nhận thức lý luận có chức năng gián tiếp vì nó được hình thành và phát triển trên cơ sở của nhận thức kinh nghiệm. Nó tập trung phản ánh cái bản chất mang tính quy luật của sự vật, hiện tượng.

Kết quả của nhận thức lý luận là tri thức lý luận

Quan hệ giữa nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận.

Nhận thức kinh nghiệm cung cấp tư liệu đồng thời là cơ sở hiện thực để kiểm tra tri thức lý luận. Nhận thức lý luận hình thành từ sự tổng kết kinh nghiệm nhưng không phải là sự hình thành trực tiếp, tự phát mà là sự trừu tượng hoá, khái quát hóa những tư liệu từ tri thức kinh nghiệm.

Không nên tuyệt đối hoá một trong hai tri thức trên, vì nếu không chúng ta sẽ rơi vào bệnh giáo điều hoặc kinh nghiệm chủ nghĩa.



Nhận thức thông thường và nhận thức khoa học. Sự phân chia này căn cứ vào tính chất tự phát hay tự giác của sự thâm nhập vào bản chất của sự vật.

Nhận thức thông thường là loại nhận thức được hình thành một cách tự phát, trực tiếp từ trong hoạt động hàng ngày.

Nhận thức khoa học là loại nhận thức được hình thành một cách tự giác và gián tiếp từ sự phản ánh đặc điểm bản chất, những quan hệ tất yếu của đối tượng nghiên cứu.

Nếu nhận thức thông thường hình thành trực tiếp, tự phát, phản ánh tất cả những mặt của sự vật thì nhận thức khoa học là sự phản ánh gián tiếp, tự giác và phản ánh những đặc điểm bản chất, những quan hệ tất yếu của đối tượng nghiên cứu bằng những khái niệm, phạm trù và thuật ngữ khoa học.

Về mối quan hệ thì nhận thức thông thường có trước và là nguồn chất liệu để xây dựng nội dung của các khoa học. Còn nhận thức khoa học sẽ xâm nhập và làm tăng cường nội dung khoa học của nhận thức thông thường.

NHẬN THỨC THÔNG THƯỜNG

+ HÌNH THÀNH TRỰC TIẾP, TỰ PHÁT TRONG HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY.
+ PHẢN ÁNH TOÀN BỘ THUỘC TÍNH PHONG PHÚ CỦA SV, H.TƯỢNG
+ THƯỜNG XUYÊN CHI PHỐI HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TA

TRI THỨC KINH NGHIỆM

NHẬN THỨC KHOA HỌC

+ HÌNH THÀNH TỰ GIÁC, GIÁN TIẾP
+ PHẢN ÁNH BẢN CHẤT NHỮNG QUAN HỆ TẤT YẾU
+ PHẢN ÁNH BẰNG KHÁI NIỆM, QUY LUẬT DƯỚI DẠNG TRỪU TƯỢNG KHÁI QUÁT

TRI THỨC LÝ LUẬN

2/ Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

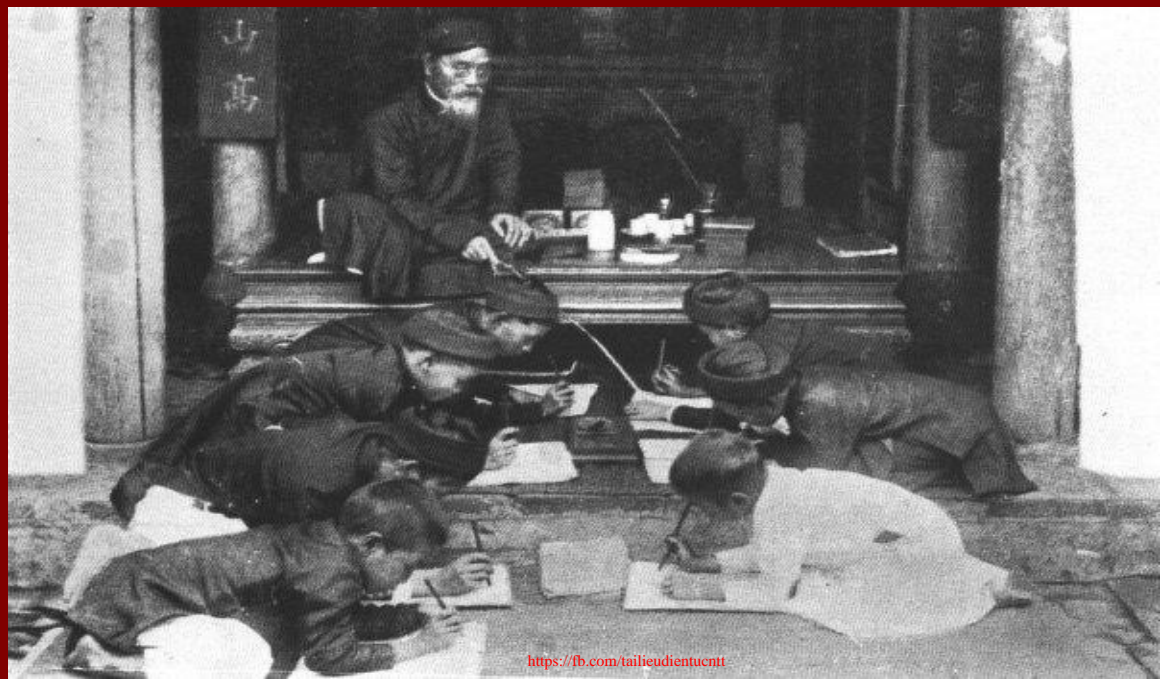
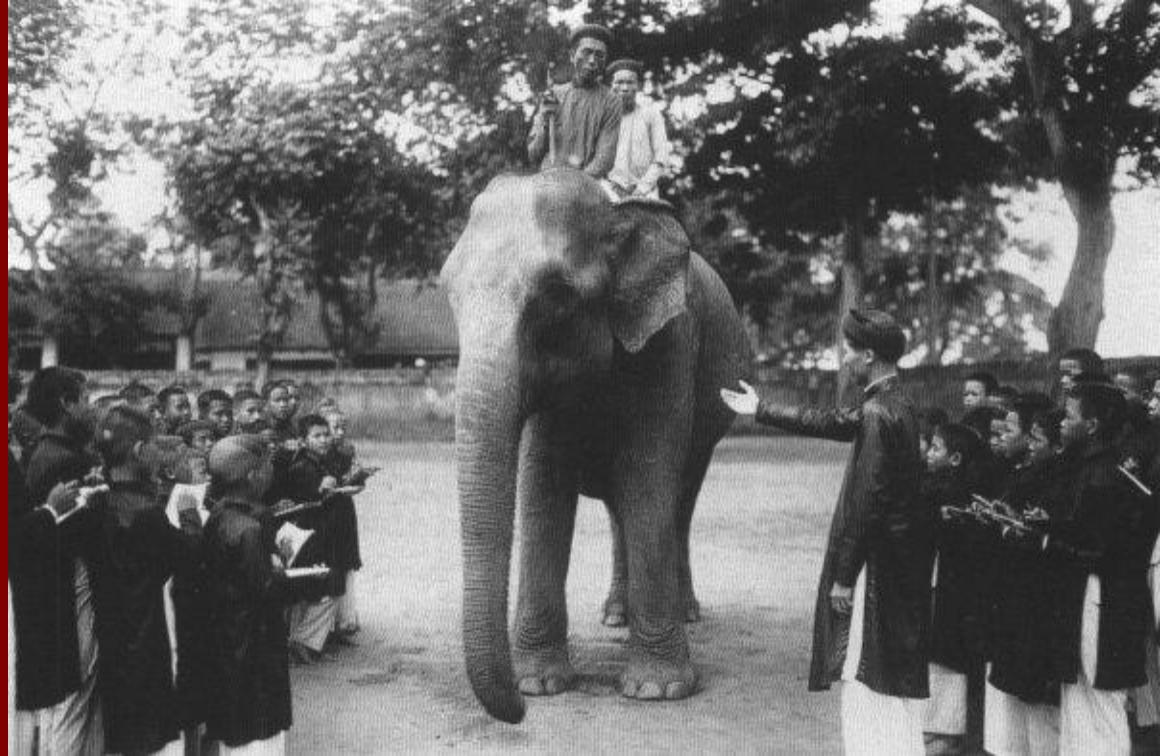
a/ Quan điểm của Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý. Đó là: Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.



+ Trực quan sinh động (Nhận thức cảm tính).

Chủ thể phản ánh trực tiếp với khách thể bằng các giác quan thông qua 3 hình thức:

- + Cảm giác
- + Tri giác
- + Biểu tượng.



Cảm giác:

+ Được hình thành từ sự tiếp xúc trực tiếp giữa chủ thể và khách thể

+ Phản ánh những thuộc tính riêng lẻ về sự vật, hiện tượng.





Bốn ông bạn chí cốt !

Tri giác:

+ Là hình ảnh tương đối toàn vẹn về sự vật khi sự vật đó đang trực tiếp tác động vào các giác quan.

+ Là sự tổng hợp của nhiều cảm giác, nó đem lại cho chúng ta những tri thức về sự vật đầy đủ hơn, phong phú hơn.

Biểu tượng:

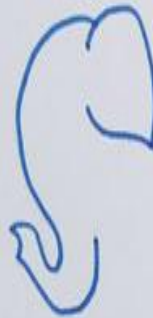
+ Là hình ảnh của khách thể được tái hiện trong ký ức của chúng ta.

+ Biểu tượng chỉ giữ lại những nét chủ yếu nổi bật của sự vật mà thôi.

①



②



③



④



⑤



⑥



Giai đoạn trực
quan sinh động cung
cấp cho chúng ta
những tư liệu ban
đầu, phong phú, cần
thiết về sự vật.

Để tìm cái bản chất
ẩn dấu trong “kho tư
liệu hỗn độn”, chúng
ta cần xử lý các thông
tin trên trong giai
đoạn tư duy lý tính.

TỦ SÁCH THĂNG LONG NGÀN NĂM VĂN HIẾN

CN. NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN



TỦ SÁCH THĂNG LONG
1000 NĂM

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2009

**TRỰC
QUAN
SINH
ĐỘNG**

**(NHẬN
THỨC
CẢM
TÍNH)**

**CẢM
GIÁC**

**THÔNG QUA TỪNG GIÁC QUAN
TIẾP XÚC – PHẢN ÁNH NHỮNG
THUỘC TÍNH RIÊNG LẺ, BỀ NGOÀI
CỦA SỰ VẬT**

**TRI
GIÁC**

**THÔNG QUA TỪNG GIÁC QUAN
TIẾP XÚC – PHẢN ÁNH TOÀN BỘ
CÁI BỀ NGOÀI CỦA SỰ VẬT**

**BIỂU
TƯỢNG**

**TÁI HIỆN NHỮNG NÉT
ĐẶC TRƯNG,
NỔI BẬT CỦA SỰ VẬT.**

**CHỦ THỂ
THU ĐƯỢC
NHỮNG
TƯ LIỆU
PHONG PHÚ
ĐA DẠNG
VỀ
KHÁCH THỂ**



+ Tư duy trừu tượng (Nhận thức lý tính) Nhằm xác định bản chất có tính quy luật của các sự vật, hiện tượng.

Gồm các hình thức:

Khái niệm

Phán đoán

Suy lý.



Khái niệm là hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng, phản ánh những đặc tính bản chất của sự vật.

Khái niệm được hình thành từ sự tổng hợp, trừu tượng hoá, khái quát hoá...những đặc điểm, thuộc tính của sự vật hay một lớp sự vật.

+ Khái niệm là phương tiện để con người tích lũy thông tin, suy nghĩ và trao đổi tri thức.

+ Khái niệm vừa có tính khách quan vừa có tính chủ quan.

+ Hình thức biểu hiện: Từ (khác với Tiếng)

Phán đoán là hình thức của tư duy liên kết các khái niệm lại với nhau để khẳng định hay phủ định một đặc điểm, một thuộc tính nào đó của đối tượng.

+ **Vai trò:** nhằm khẳng định hay phủ định một thuộc tính, một mối liên hệ nào đó của sự vật, hiện tượng.

+ **Hình thức biểu hiện:** Các mệnh đề theo những quy tắc văn phạm nhất định.

**CHẮC
CHẮN
MÌNH ĐẬU
!**



Suy lý là hình thức của tư duy liên kết các phán đoán lại với nhau để rút ra tri thức mới bằng phán đoán mới.

Tùy theo hình thức kết hợp các phán đoán mà chúng ta có **suy luận quy nạp** (từ phán đoán đơn nhất – đặc thù – phổ biến) hay **diễn dịch** (ngược lại).

SV NÀO
CŨNG
CHÁN
MÔN
TRIẾT !

VẬY,
MÌNH
CŨNG
SẼ CHÁN
MÔN
TRIẾT!

TỰ MÌNH
LÀ SINH
VIÊN !



Mối quan hệ giữa nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính với thực tiễn:

Nhận thức cảm tính làm cơ sở cho nhận thức lý tính. Nhận thức lý tính giúp cho nhận thức cảm tính có tính định hướng đúng và trở nên sâu sắc hơn.

Kết quả của tư duy trừu tượng là những tri thức có tính bản chất về đối tượng. Và, để xác định tính chân thực của tri thức ấy, nhất thiết phải đưa nhận thức về với thực tiễn để được kiểm tra. Nếu thấy đúng thì gọi đó là chân lý. Nếu sai phải nhận thức lại.





b/ CHÂN LÝ

LÀ TRI THỨC CÓ NỘI DUNG PHÙ HỢP VỚI THỰC TẾ KHÁCH QUAN VÀ ĐƯỢC THỰC TIỄN KIỂM NGHIỆM

TÍNH KHÁCH QUAN
TRI THỨC CÓ NỘI DUNG PHÙ HỢP VỚI HIỆN THỰC KHÁCH QUAN MÀ NÓ PHẢN ÁNH

TÍNH TUYỆT ĐỐI
TRI THỨC PHÙ HỢP HOÀN TOÀN VỚI HIỆN THỰC KHÁCH QUAN.

TÍNH TƯƠNG ĐỐI
TRI THỨC PHÙ HỢP CHƯA HOÀN TOÀN ĐẦY ĐỦ VỚI HIỆN THỰC KHÁCH QUAN

TÍNH CỤ THỂ
TRONG KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN CỤ THỂ SẼ CÓ NHỮNG CHÂN LÝ CỤ THỂ

Vai trò của chân lý đối với hoạt động thực tiễn

+ Chân lý là một trong những điều kiện tiên quyết bảo đảm sự thành công và tính hiệu quả trong hoạt động thực tiễn





n nhờ vận dụng đúng đắn những chân lý
mà con người đã đạt được trong hoạt động thực
tiễn.



+ Phải xuất phát từ thực tiễn để đạt được chân lý, phải coi chân lý là một quá trình, đồng thời phải thường xuyên tự giác vận dụng chân lý vào trong thực tiễn.



HẾT CHƯƠNG 2
HẸN GẶP LẠI CÁC BẠN
Ở CHƯƠNG 3

